

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2024/DS-PT

Ngày 30-7-2024

“V/v Tranh chấp quyền sử
dụng đất”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hưng

Các Thẩm phán : Bà Trần Thị Thúy Hà

Bà Phạm Thị Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Trọng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Nguyễn Mỹ Duyên, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 175/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án số 155/2024/DS-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2024/QĐXX-PT ngày 05/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 221/2024/QĐ-PT ngày 19/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957; cư trú: số D, đường N, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

1.2. Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1966; cư trú: số C đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

1.3. Bà Nguyễn Kim Ú, sinh năm 1965; cư trú: Số C đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà H, bà Ú: bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1990; cư trú: khóm Đ, phường M, thành phố L, An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 29/5/2023). (có mặt)

Bà Ú ủy quyền cho ông Lê Văn T, sinh năm 1969; cư trú: Khóm Đ, phường M, thành phố L, An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 22/01/2024). (vắng mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Kim P, sinh năm 1948 (vắng mặt)

2.2. Bà Võ Thị Ý, sinh năm 1956 (có mặt)

Cùng cư trú: Số C đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P, bà Ý: bà Võ Thị Đ1, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 05/5/2023). (có mặt)

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Ngô Thu H1, sinh năm 1955 (vắng mặt)

3.2. Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1972 (vắng mặt)

3.3. Bà Nguyễn Thị Loan E, sinh năm 1974 (vắng mặt)

3.4. Ông Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1976 (vắng mặt)

3.5. Ông Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1, bà L, bà E, ông H2, ông H3: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957; cư trú: số D, đường N, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 16/10/2023). (có mặt)

3.6. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1981; cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957; Nơi cư trú: số D, đường N, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 18/10/2023). (có mặt)

3.7. Ông Trần Văn M1, sinh năm 1955 (vắng mặt)

3.8. Bà Trần Kim P1, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng cư trú: ấp T, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M1, bà Phước: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957; cư trú: số D, đường N, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An (theo văn bản ủy quyền ngày 19/10/2023). (có mặt)

3.9. Bà Trần Kim H4, sinh năm 1979; cư trú: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.10. Bà Trần Kim H5, sinh năm 1981; cư trú: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.11. Ông Trần Văn H6, sinh năm 1983; cư trú: ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

3.12. Bà Trần Thị Thu C, sinh năm 1985; cư trú: Tổ A, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang.

3.13. Bà Trần Thị Thu C (N), sinh năm 1987; cư trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của Bà H4, bà H5, ông H6, bà C (sinh năm 1983), bà C (sinh năm 1985): ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957; cư trú: số D, đường N, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 16/10/2023). (có mặt)

3.14. Ông Lê Văn T, sinh năm 1969 (vắng mặt)

3.15. Anh Lê Minh G, sinh năm 1991 (vắng mặt)

3.16. Chị Lê Thị Kim K, sinh năm 1993 (vắng mặt)

3.17. Cháu Nguyễn Lê Quỳnh A, sinh năm 2012 (vắng mặt)

Cùng cư trú: số 347/30 đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Cháu Nguyễn Lê Quỳnh A có chị Lê Thị Kim K là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Anh G1, chị K: ông Lê Văn T, sinh năm 1969; cư trú: khóm Đ, phường M, thành phố L, An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 22/01/2024). (vắng mặt)

Người kháng cáo: các nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Văn Đ.
- Bà Nguyễn Kim H.
- Bà Nguyễn Kim Ú.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Kim H, bà Nguyễn Kim Ú, các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, những người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn là ông Phan Hòa N1 và bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:*

Bà Huỳnh Thị B (sinh năm 1935, chết năm 2012) và ông Nguyễn Văn H7 (sinh năm 1932, chết năm 1977), có 07 người con gồm ông Nguyễn Văn N2 (sinh năm 1953, chết năm 2011), bà Nguyễn Kim Đ2 (sinh năm 1957 chết năm 2018), ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957, bà Nguyễn Kim L1 (sinh năm 1962, chết năm 1981, không có chồng và con), bà Nguyễn Kim Ú, sinh năm 1965, bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1966, ông Nguyễn Văn B1 (sinh năm 1977, chết năm 1992, không có vợ và con). Ngoài những người mà phía nguyên đơn đang đã cung cấp thì không còn ai thuộc hàng thừa kế thứ nhất và thứ hai của bà Huỳnh Thị B, ông Nguyễn Văn H7. Bà B và ông H7 chết có để lại phần đất diện tích 37,9m² được giới hạn bởi các điểm 2, 59, 47, 7 thuộc thửa số 856, tờ bản đồ số 29 (nằm trên đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L), trên đất có căn nhà gỗ đã xuống cấp. Căn nhà này được cất vào năm 1996 theo Đơn xin phép cất nhà ngày 02/8/1996 của bà Huỳnh Thị B. Nguồn gốc đất là do năm 1983, nhà nước phóng đường T nên Nhà nước tạo điều kiện cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ dời vào phía trong để xây nhà và sinh sống như hiện trạng hiện nay. Quá trình quản lý, sử dụng, giữa ông Trần Kim P, bà Võ Thị Ý với bà Huỳnh Thị B nhiều lần xảy ra tranh chấp được xã, phường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L hoà giải nhiều lần. Theo văn bản số 200/TNMT ngày 15/7/2013, giữa ông Đ và ông P hoà giải thành tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L, thống nhất ranh đất theo hiện trạng sử dụng thực tế của ông T, bà Ú nhưng chưa yêu cầu cơ quan chức năng đo vẽ diện tích cụ thể. Bản vẽ ngày 03/10/2008 do Văn phòng Đ3, các ông bà không có chứng kiến nên không đồng ý. Từ trước đến nay, phần diện tích đất mà gia đình các ông bà quản lý, sử dụng chưa được đo đạc xác định ranh giới cụ thể. Phần đất này từ xưa đến nay các ông bà đều thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Tuy nhiên, do phát sinh tranh chấp kéo dài từ năm 1998 tới nay với ông Trần Kim P nên đến khi bà B chết vẫn chưa xong thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cho đến nay việc tranh chấp với ông P vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Do đó, nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được tiếp tục, quản lý sử dụng đối với diện tích đất trên, không đồng ý trả lại giá trị đất theo yêu cầu của bị đơn.

** Theo đơn phản tố của bị đơn là ông Trần Kim P, bà Võ Thị Ý, các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án những đại diện hợp pháp cho bị đơn là bà Võ Thị Đ1 trình bày:*

Năm 1969, bà Thái Thị X làm tờ cho đất cho mẹ của ông Trần Kim P là bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1921 và cha Trần Văn C1. Đến năm 1998, ông C1, bà

T2 chia đất cho 05 người con, trong đó vợ chồng Trần Kim P và Võ Thị Ý, thừa hưởng là đất hương hỏa. Về lý do bà Huỳnh Thị B, mẹ ruột của các nguyên đơn được ở trên đất của này là năm 1983, do chủ trương của tỉnh giải tỏa một số hộ dân có nhà nằm trong phạm vi dự án mở rộng đường T, UBND phường M có trao đổi với gia đình về việc cho bà Huỳnh Thị B (mẹ của các ông bà Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim H8 và Nguyễn Kim Ú) được ở nhờ trên đất theo giấy giới thiệu của T3 nơi ông Đ đang công tác. Thời điểm này, bà T2 là mẹ của ông bà còn sống và đồng ý cho bà Huỳnh Thị B ở nhờ trên diện tích $3,3m \times 8,29 = 27,4 m^2$, không cho thuê và cũng không sang nhượng. Quá trình sử dụng đất, giữa hai bên phát sinh tranh chấp hòa giải nhiều lần không thành. Nay nguyên đơn yêu cầu được quyền sử dụng diện tích nói trên, phía bị đơn không đồng ý do đất này có nguồn gốc rõ ràng, không phải của họ tự khai hoang. Nay, bị đơn chỉ đồng ý ổn định cho nguyên đơn phần diện tích theo hiện trạng căn nhà như Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 12/10/2023 được giới hạn bởi các điểm 4, 71, 79, 73, 47, 7 yêu cầu nguyên đơn trả lại giá trị của đất theo giá Chứng thư thẩm định giá số 231117.07/2023/CT.VVAC ngày 17/11/2023. Phần còn lại mà nguyên đơn tranh chấp phía bị đơn không đồng ý vì phần này là của bị đơn trực tiếp quản lý từ trước cho đến nay và yêu cầu nguyên đơn tháo dỡ vật kiến trúc ngoài phạm vi giới hạn bởi các điểm 4, 71, 79, 73, 47, 7.

** Theo các làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ quan trọng vụ, đồng thời là người được bà Nguyễn Kim Ú uỷ quyền, được anh Lê Minh G, chị Lê Thị Kim K uỷ quyền trình bày: Ông thống nhất ý kiến với nguyên đơn, không tranh chấp gì đối với diện tích đất mà nguyên đơn và bị đơn đang tranh chấp.*

Tại Bản án số 155/2024/DS-ST ngày 02/5/2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 60/QĐ-SCBSQĐ ngày 12/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất là $41m^2$ được giới hạn bởi các điểm 7, 47, 60, 1 (nằm trong thửa đất số 856, tờ bản đồ số 29 theo Bản trích đo hiện trạng đất ngày 08/4/2024 của Công ty TNHH Đ4).

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim Ú, bà Nguyễn Kim H8. Bà Nguyễn Kim Ú, bà Nguyễn Kim H8 được tiếp tục trực tiếp quản lý, sử dụng đất có diện tích $30,1m^2$ được giới hạn bởi các điểm 4, 71, 79, 73, 46, 6, 5 (thuộc thửa đất số 856, tờ bản đồ số 29 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 08/4/2024 của Công ty TNHH Đ4).

Bà Nguyễn Kim Ú, bà Nguyễn Kim H8 có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên theo quy định của Luật Đất đai.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của bà Nguyễn Kim Ú, bà Nguyễn Kim H8 về việc yêu cầu được trực tiếp quản lý, sử dụng đối với phần đất được giới hạn bởi các điểm 4, 71, 60, 1 thuộc thửa số 856, tờ bản đồ số 29 (theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 08/4/2024 của Công ty TNHH Đ4). Trong đó, bao gồm phần đất trống tiếp giáp với căn nhà gỗ và phần đất có xây dựng mái che được giới hạn bởi các điểm 1, 60, 72, 3, diện tích là 10,9m².

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Trần Kim P, bà Võ Thị Ý về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Kim H8, bà Nguyễn Kim Ú có nghĩa vụ trả cho ông Trần Kim P, bà Võ Thị Ý giá trị đất là 18.292.000 đồng/01m².

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/5/2024, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Kim H8 và bà Nguyễn Kim Ú có đơn kháng cáo với yêu cầu được sử dụng phần đất có diện tích 10,9m².

Tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ; cụ thể:

Chị Nguyễn Thị Tuyết M, là đại diện hợp pháp của các nguyên đơn rút lại yêu cầu kháng cáo về việc được sử dụng phần đất có diện tích 10,9m² giới hạn bởi các điểm 1, 60, 72, 3 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ4 lập nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho gia đình sử dụng phần đất khoảng 03m² (là phần đất trống nằm giữa phần đất có nhà và phần đất có xây dựng mái che của ông Trần Kim P, bà Võ Thị Ý, cùng phần đất dưới mái nhà phía sau); ý kiến của người đại diện được ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Kim H8 và bà Nguyễn Kim Ú thống nhất.

Đại diện hợp pháp của ông P, bà Ý và bà Ý trực tiếp có ý kiến: trước đây, gia đình bà đồng ý cho gia đình nguyên đơn ở, nay cũng thống nhất cho nguyên đơn ở ổn định trên phần đất có diện tích 30,1m², đây là phần diện tích đã tăng lên so với hiện trạng ở ban đầu và phía nguyên đơn không phải hoàn lại giá trị đất nên không đồng ý với yêu cầu của phía nguyên đơn đặt ra tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng ý cho nguyên đơn sử dụng nhà theo hiện trạng nhưng trường hợp phía nguyên đơn tiến hành sửa chữa, cải tạo hoặc xây dựng lại căn nhà, yêu cầu phía nguyên đơn phải sử dụng đúng diện tích đất 30,1m² theo bản án đã tuyên.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: ông Đ, bà H8 và bà Ú kháng cáo yêu cầu xem xét cho ông bà được quyền sử dụng diện tích $10,9m^2$. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ, bà H8 và bà Ú thống nhất rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo theo đơn ngày 16/5/2024. Tuy nhiên, các ông bà yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho ông bà được sử dụng phần đất diện tích khoảng $3m^2$, là phần mái che trước và sau căn nhà. Nhận thấy, yêu cầu này của ông bà là vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, nên không có căn cứ để xem xét; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 308 BLTTDS năm 2015, đình chỉ xét xử đối với vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thủ tục: ông Nguyễn Văn Ú1, bà Nguyễn Kim H8 và bà Nguyễn Kim Ú2 gửi đơn kháng cáo trong hạn luật định, trong đó ông Nguyễn Văn Đ được miễn tiền án phí, bà H8 và bà Ú2 nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên kháng cáo của các ông, bà là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: các đương sự đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng đương sự vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm:

[3.1] Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Kim H8 và bà Nguyễn Kim Ú2 yêu cầu được sử dụng phần đất trống dưới mái nhà của căn nhà hiện hữu có diện tích khoảng $03m^2$ nhưng xét yêu cầu này được đặt ra tại phiên tòa phúc thẩm và vượt quá yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[3.2] Về kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Kim H8 và bà Nguyễn Kim Ú2, Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa, ông Đ, bà H8 và bà Ú2 thống nhất với ý kiến của đại diện hợp pháp về việc rút lại yêu cầu được quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích $10,9m^2$ được xác định tại các điểm 1, 60, 72, 3 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ4 lập ngày 08/4/2024. Hội đồng xét xử xét việc rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm.

[4] Do đương sự kháng cáo rút toàn bộ kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên bà Nguyễn Kim H8, bà Nguyễn Kim Ú phải chịu tiền án phí phúc thẩm, riêng ông Nguyễn Văn Đ thuộc đối tượng được miễn án phí nên ông Đ không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, điểm b khoản 1 Điều 289, khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 175/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957; cư trú: số D, đường N, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

1.2. Bà Nguyễn Kim H8, sinh năm 1966; cư trú: số C đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

1.3. Bà Nguyễn Kim Ú, sinh năm 1965; cư trú: Số C đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đ, bà H8, bà Ú: bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1990; cư trú: khóm Đ, phường M, thành phố L, An Giang (theo văn bản uỷ quyền ngày 29/5/2023).

Bà Ú uỷ quyền cho ông Lê Văn T, sinh năm 1969; cư trú: Khóm Đ, phường M, thành phố L, An Giang (theo văn bản uỷ quyền ngày 22/01/2024).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Kim P, sinh năm 1948

2.2. Bà Võ Thị Ý, sinh năm 1956

Cùng cư trú: Số C đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông P, bà Ý: bà Võ Thị Đ1, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang (theo văn bản uỷ quyền ngày 05/5/2023).

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Ngô Thu H1, sinh năm 1955

3.2. Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1972

3.3. Bà Nguyễn Thị Loan E, sinh năm 1974

3.4. Ông Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1976

3.5. Ông Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1979

Cùng cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1, bà L, bà E, ông H2, ông H3: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957; cư trú: số D, đường N, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 16/10/2023).

3.6. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1981; cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957; Nơi cư trú: số D, đường N, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 18/10/2023).

3.7. Ông Trần Văn M1, sinh năm 1955

3.8. Bà Trần Kim P1, sinh năm 1977

Cùng cư trú: ấp T, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M1, bà Phước: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957; cư trú: số D, đường N, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An (theo văn bản ủy quyền ngày 19/10/2023).

3.9. Bà Trần Kim H4, sinh năm 1979; cư trú: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang.

3.10. Bà Trần Kim H5, sinh năm 1981; cư trú: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

3.11. Ông Trần Văn H6, sinh năm 1983; cư trú: ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3.12. Bà Trần Thị Thu C, sinh năm 1985; cư trú: Tổ A, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang.

3.13. Bà Trần Thị Thu C (N), sinh năm 1987; cư trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà H4, bà H5, ông H6, bà C (sinh năm 1983), bà C (sinh năm 1985): ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957; cư trú: số D, đường N, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 16/10/2023).

3.14. Ông Lê Văn T, sinh năm 1969

3.15. Anh Lê Minh G, sinh năm 1991

3.16. Chị Lê Thị Kim K, sinh năm 1993

3.17. Cháu Nguyễn Lê Quỳnh A, sinh năm 2012

Cùng cư trú: số C đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Cháu Nguyễn Lê Quỳnh A có chị Lê Thị Kim K là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo uỷ quyền của Anh G1, chị K: ông Lê Văn T, sinh năm 1969; cư trú: khóm Đ, phường M, thành phố L, An Giang (theo văn bản uỷ quyền ngày 22/01/2024).

[2] Bản án số 155/2024/DS-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ban hành bản án phúc thẩm.

[3] Bà Nguyễn Kim Ú phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002091 ngày 21/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên (đã nộp xong).

Bà Nguyễn Kim H8 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002092 ngày 21/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên (đã nộp xong).

Ông Nguyễn Văn Đ được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên;

- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;

- Đương sự;

- Lưu (Văn phòng Tòa án tỉnh, Phòng

KTNV, hồ sơ).

Nguyễn Phước Hưng